

John Chung

ALL THAT IELTS

Trợ thủ giúp giảm nỗi lo trong phòng thi

Tô Hà Thanh Phương dịch

LỜI NÓI ĐẦU

All that IELTS - Trợ thủ giúp giảm nỗi lo trong phòng thi, đúng như tên gọi, là cuốn sách được thiết kế đặc biệt dành cho những ai sắp phải trải qua kì thi IELTS mà vẫn còn thiếu tự tin vào bản thân. Nếu bạn không có nhiều thời gian ôn luyện, nếu bạn nhắm tới một band điểm mục tiêu không quá cao, nếu bạn dễ bị căng thẳng trong phòng thi và cần chút bí kíp để “dần túi” lúc “lâm nguy”,... thì đây sẽ là cuốn sách cần cho bạn.

Với phương pháp tiếp cận thực dụng (pragmatic approach), **All that IELTS** gói gọn cả 4 kĩ năng trong cùng một cuốn sách, đưa ra những **phân tích tổng quan** về bài thi và các **dạng câu hỏi** thường gặp, giới thiệu các **chiến lược làm bài** thực tiễn, các **cấu trúc và từ vựng** thường gặp cũng như các **bài viết mẫu** cùng **mẹo hữu ích** cần nhớ khi làm bài.

Sách gồm 4 phần chính, tương ứng với 4 kĩ năng Writing, Reading, Listening và Speaking, và được chia thành 30 ngày học, trong đó bạn sẽ có 14 ngày để nắm vững kĩ năng Writing, 6 ngày để chinh phục Reading, 5 ngày để thành thạo Listening và 5 ngày để tự tin với Speaking. Như bạn có thể thấy, tác giả đặc biệt dành một thời lượng đáng kể cho Writing, kĩ năng thường gây khó khăn nhiều nhất cho đa số thí sinh. Trong phần này, bạn sẽ được cung cấp nhiều mẹo hữu ích cùng những câu trả lời mẫu để áp dụng phòng khi bạn gặp khó lúc làm bài.

Nhưng, như tác giả luôn nhấn mạnh nhiều lần trong cuốn sách, hãy coi những mẹo, những câu trả lời mẫu ấy chỉ là “cứu cánh” trong phòng thi khi bạn còn quá ít thời gian và quá căng thẳng vì áp lực. Để đạt điểm số cao trong bài thi IELTS cũng như nâng cao năng lực tiếng Anh của mình, người học cần kiên trì trau dồi ngữ pháp, từ vựng và luyện tập các kĩ năng bằng các phương pháp học tập phù hợp với năng lực của bản thân.

Chúng tôi mong rằng bạn sẽ sử dụng cuốn sách này một cách hiệu quả và đúng mục đích để đạt được kết quả tốt nhất trong khả năng. Chúc bạn may mắn trên con đường chinh phục IELTS!

BBT Gamma

Cấu trúc sách

All that IELTS được chia thành 4 Part lớn tương ứng với 4 kỹ năng: **Writing, Reading, Listening** và **Speaking**. Nội dung của các Part được chia nhỏ theo các chủ đề để học trong 30 ngày, giúp người học có lộ trình học tập rõ ràng và tiện theo dõi tiến độ của mình. Về cơ bản, nội dung trong mỗi Part sẽ được triển khai như sau:

1 Giới thiệu bài thi từng kỹ năng và các dạng câu hỏi thường gặp

DAY 15 Những điều cơ bản về bài thi IELTS Reading

Đạt thi IELTS Reading yêu cầu thí sinh trả lời đúng số 40 câu hỏi, đạt chỉ số năng lực tối thiểu.

Cấu trúc bài thi Reading

Số lượng câu hỏi	Thời gian bài đọc	Chủ đề bài đọc
Passage 1	15-20 phút	Bản văn khoa học, báo chí, tạp chí, ấn phẩm sách...
Passage 2	20-30 phút	Nội dung về nhiều chủ đề khác nhau như văn học, môi trường, lịch sử, kinh tế, văn học, khoa học kĩ thuật...
Passage 3	20-30 phút	Nội dung về nhiều chủ đề khác nhau như văn học, môi trường, lịch sử, kinh tế, văn học, khoa học kĩ thuật...

Trong phần thi này, có ít nhất một trong ba bài đọc là bài nghị luận thể hiện quan điểm riêng của tác giả. Trong mọi bài đọc đều có các thuật ngữ chuyên môn, để bài sẽ có chủ đề đa dạng. Các câu trả lời thường sẽ bị tách ra khỏi chủ đề chính và sắp xếp theo thứ tự xuất hiện trong bài đọc.

Các dạng đề trong bài thi IELTS Reading

Các dạng đề thường gặp trong bài thi Reading là True/False/Not Given, Short Answer, Completion (Summary/Table/Diagram), Matching (Features/Heading/Information) và Multiple Choice.

1 Dạng True/False/Not Given (Yes/No/Not Given)

Loại dạng bài yêu cầu đánh giá tính chính xác của thông tin của câu được cho với nội dung của trong bài đọc. Trường hợp không tìm được thông tin thì trong bài đọc, đáp án là "NOT GIVEN" (không xác định được).

Example

Do the following statements agree with the information given in Reading Passage 1?

In Boxes 6 – 10 on your answer sheet, write
TRUE if the statement agrees with the information
FALSE if the statement contradicts the information
NOT GIVEN if there is no information on this

It is not difficult to discover that the same genetic diseases in different people have identical causes.

(Được)

2 Dạng Short Answer

Với dạng bài này, thí sinh sẽ phải sử dụng từ vựng từ nguyên, thường không quá ba từ, để trả lời câu hỏi của đề. Dạng bài này đòi hỏi thí sinh cần có khả năng tìm kiếm thông tin cụ thể trong bài đọc.

Example

Complete each sentence.

Choose **NO MORE THAN THREE WORDS** from the text for each answer. Write your answers in boxes 1 – 5 on your answer sheet.

The structural nature of the Sydney Opera House, upon its introduction, was praised but at the same time _____ for its high cost.

(Được)

3 Dạng Completion

Dạng đề này có thể được chia thành 3 loại câu hỏi chính: Sentence Completion (hoàn thành câu), Summary Completion (hoàn thành bản tóm tắt), Table/Diagram/Facet Completion (hoàn thành bảng thông tin). Với dạng bài này, thí sinh phải điền vào chỗ trống một phần thông tin của bài đọc với số từ theo yêu cầu của đề bài.

208 | ALL THAT IELTS DAY 15 - NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN VỀ BÀI THI IELTS READING | 207

- GIỚI THIỆU
- 01 WRITING
- 02 READING
- 03 LISTENING
- 04 SPEAKING

Nội dung chia theo kỹ năng

3 Bài tập thực hành theo định dạng bài thi thật kèm đáp án và giải thích chi tiết

Example

35 When did the first settlers arrive in the territory? _____

Nếu không nghe được nội dung bài, bạn có thể đọc lướt để biết câu hỏi đang yêu cầu tìm "ngày lập bản" hay lập trong các tài liệu của nhà "the first settlers" đã biết được paraphrasing của từ này và khi nghe được bất kỳ thông tin nào liên quan đến ngày hoặc năm, hãy hãy điền đáp án.

Author's Notes

Dùng từ từ câu hỏi bằng cách điền vào, bổ sung pháp ngữ nội ngữ rõ ràng không thể bạn cần được biết các thông tin. Tuy nhiên, phương pháp điền chỉ áp dụng trong Section 4 của bài thi IELTS Listening. Nếu bạn gặp khó khăn với việc nghe hiểu toàn bộ nội dung bài nghe, hãy tập trung nghe các nội dung có liên quan đến từ khóa của câu hỏi để đưa vào để điền đáp án.

2 Thực hành

Section 3 Questions 21-30

Questions 21-30
 Choose the correct letter, A, B or C.

31 Which of the following plants does kassia begin to 'feed on' as a consequence of the drier weather?
 A Gum trees
 B Palm trees
 C White torythia

32 How do kassia carry their babies?
 A on their leg
 B in their pouch
 C on their shoulder

340 | ALL THAT IELTS LISTENING SECTION 3 | 333

Transcript bài nghe kèm dịch

Questions 21-30

Student: (door knocking) Excuse me, Dr. Murray?
 (gọi chào Em vào được chủ, giờ là Murray?)

Professor: Yes, Please come in. How can I help you?
 (Ừ, Vào đi. Tôi có thể giúp gì cho em?)

Student: I'm Lindy Holloway. I made an appointment to see you at eleven o'clock?
 (Tôi là Lindy Holloway, Em đã hẹn sẽ đến gặp thầy lúc 11 giờ đúng không ạ? Em nghĩ là mình đã đến sớm 5 phút rồi, xin lỗi thầy về việc này.)

Professor: That's fine, no need to worry. Come in and take a seat, Lindy.
 (Không sao, em không cần ngại đâu. Lại đây ngồi đi Lindy.)

Student: Thank you, sir.
 Cảm ơn thầy.

- Answers**
21. B 22. A 23. A 24. C 25. B 26. the Herald
 27. insight 28. (the) chief editor 29. B 30. E

2 Hướng dẫn giải quyết các dạng câu hỏi

DAY 18 Chiến lược làm dạng đề Short Answer và Completion

Dạng Short Answer

Hội dạng Short Answer: thí sinh phải đưa đáp án tương ứng lại với số từ theo yêu cầu của đề bài.

Về cơ bản, dạng bài này không quá khó nếu bạn nắm vững được vị trí của từ khóa trong bài đọc, tức là nó không đòi hỏi phải suy nghĩ hay phân tích nhiều. Tuy nhiên, nếu trật từ câu hỏi không giống với trật từ thông tin trong bài đọc, việc tìm đáp án có thể sẽ khó khăn.

Example

Complete each sentence.
Choose **NO MORE THAN THREE WORDS** from the text for each answer.
Write your answers in boxes 1 – 3 on your answer sheet.

- African slaves began to be transported by the Dutch West India Company to provide _____ necessary to build the Fort and city wall in New York.
- British forces were no longer seen in New York after the year of _____.
- During the 19th century, New York was expanded to cover the entire area of Manhattan due to the immigration prompted by famine in Ireland and _____ in Europe.

1 Chiến lược làm bài

- Đọc câu hỏi và gạch chân từ khóa.
- Đọc lướt bài đọc để nắm được khái quát nội dung chính, khoanh tròn các từ khóa của từng câu hỏi xuất hiện trong bài đọc. Trong quá trình này, hãy gạch chân ý chính của mỗi đoạn, và đưa vào đó để tìm nội dung trả lời phù hợp với câu hỏi.

248 | ALL THY IELTS

1 Chiến lược làm bài

- Đọc câu hỏi và gạch chân từ khóa.
- Đọc lướt bài đọc để nắm được khái quát nội dung chính, khoanh tròn các từ khóa của từng câu hỏi xuất hiện trong bài đọc. Trong quá trình này, hãy gạch chân ý chính của mỗi đoạn, và đưa vào đó để tìm nội dung trả lời phù hợp với câu hỏi.

Câu 1: Trong nội dung liên quan đến từ khóa của câu hỏi (location preferred, Sydney), người đàn ông cho biết mình muốn tìm một ngôi nhà 3 phòng ngủ nằm ở Inner West của Sydney (I'm after a three-bedroom property, which is preferably in the Inner West of Sydney). Khi người phụ nữ hỏi anh còn yêu cầu khu vực nào khác không (Are there any other areas you're interested in?), người đàn ông đã nhấn mạnh thêm lần nữa rằng "the Inner West would be the best option for me and my family", cho biết khu Inner West chính là lựa chọn tốt nhất cho gia đình mình. Do đó, đáp án là (the) Inner West.

Lưu ý: Cụm "are interested in" được paraphrase thành "preferred".

Giải thích chi tiết cho các đáp án, giúp người học vừa hiểu rõ câu trả lời, vừa làm quen với chiến lược làm bài

Câu trả lời mẫu theo từng band điểm (cho kỹ năng Writing và Speaking) để người học tham khảo và áp dụng vào bài thi thực tế

Các cách diễn đạt hữu ích

Khi bày tỏ quan điểm cá nhân

- I strongly believe that S V (= I am a strong believer in)
Tôi tin chắc rằng
- The main point I want to make is that S V
Điểm chính tôi muốn nói là S V
- As I have pointed out
Như tôi đã đề cập
- All things considered, I believe (that) S V
Sau khi xem xét mọi vấn đề, tôi nghĩ là S V
- From my point of view, I think (that) S V
Theo quan điểm của tôi, tôi nghĩ là S V

Các cách diễn đạt hữu ích theo ngữ cảnh

Author's Notes

Đừng trả lời các câu hỏi bằng cách đoán mò, bởi phương pháp may rủi này rõ ràng không thể giúp bạn có được kết quả như mong đợi. Tuy nhiên, phương pháp đoán có thể giúp ích trong Section 4 của bài thi IELTS Listening. Nếu bạn gặp khó khăn với việc nghe hiểu toàn bộ nội dung bài nghe, hãy tập trung nghe các nội dung có liên quan đến từ khóa của câu hỏi rồi dựa vào đó để đưa ra đáp án.

Những điểm người học cần lưu ý thêm

Các chiến lược làm bài hiệu quả nhất cho từng dạng bài

Viết bài theo thông tin có trong biểu đồ

► Bài viết band 7.5 ◀

The bar graph illustrates the average daily kilometers travelled by Korean commuters in 2012, utilising four different means of transport: motorbike, bus, subway, and car.

Overall, buses accounted for the highest average daily distance travelled, while motorbikes had the lowest. Subways and cars showed moderate travel distances, with subways being more widely used than cars.

The average distance covered by bus commuters was 80 kilometers per day, which is the highest among the four modes. This indicates that buses were used for longer distances on average compared to other modes of transport. Subway users travelled 70 kilometers daily on average, making it the second most used mode in terms of distance.

Car users, on the other hand, travelled 40 kilometers per day on average, less than both buses and subways. This average distance suggests that cars were utilised for medium-range travel. Lastly, motorbike commuters had the shortest distance, with an average of 20 kilometers daily. This indicates that motorbikes were used primarily for shorter daily commutes.

Biểu đồ cột này minh họa số ki-lô-mét trung bình hàng ngày mà người đi làm ở Hàn Quốc đi di chuyển về nhà năm 2012 trên 4 loại phương tiện giao thông khác nhau: xe máy, xe buýt, tàu điện ngầm và ô tô.

Nhìn chung, xe buýt có quãng đường đi chuyển trung bình hàng ngày dài nhất, trong khi xe máy đi chuyển ngắn nhất. Tàu điện ngầm và ô tô có quãng đường đi chuyển trung bình, trong đó tàu điện ngầm được sử dụng nhiều hơn ô tô.

Quãng đường trung bình mà người đi làm bằng xe buýt đi chuyển là 80 ki-lô-mét mỗi ngày, đây là mức cao nhất trong 4 phương tiện. Điều này cho thấy xe buýt thường được sử dụng cho các chuyến đi dài nhiều hơn so với các phương tiện giao thông khác. Người dùng tàu điện ngầm đi chuyển trung bình 70 ki-lô-mét mỗi ngày, khiến đó đứng thứ hai về thành phố trung bình được sử dụng nhiều thứ hai về thời gian đường đi.

Người lái xe, ngược lại, đi được ít đi chuyển trung bình về nhà mỗi ngày, ít hơn cả xe buýt và ô tô đi chuyển. Khoảng cách trung bình này cho thấy ô tô thường được sử dụng cho các chuyến đi tầm trung. Cuối cùng, người đi làm bằng xe máy có khoảng cách đi chuyển ngắn nhất, trung bình là 20 ki-lô-mét mỗi ngày. Điều này chỉ ra rằng xe máy chủ yếu được sử dụng cho các chuyến đi ngắn hàng ngày.

commuter (n): người đi làm **moderate (adj):** trung bình, vừa phải
cover (v): đi được **utilise (v):** dùng
medium-range (adj): tầm trung/địa phương

DAY 13 - CÁCH VIẾT BÀI LUẬN IELTS WRITING TASK 1: DẠNG DẪN BẢNG CHART | 183

Mục lục

Lời nói đầu	5
Cấu trúc sách	6
Overview	10

PART 01

WRITING

01 Những điều cơ bản về bài luận IELTS Writing Task 2	16	08 Mẫu bài luận IELTS Writing Task 2 sử dụng khi có ít thời gian	114
02 Cấu trúc bài luận IELTS Writing Task 2	39	09 Những điều cơ bản về bài luận IELTS Writing Task 1	125
03 Những điều cần lưu ý: Các bước cần thực hiện khi viết một bài luận	54	10 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Line Graph	138
04 Những điều cần lưu ý: Những mẫu câu thông dụng	71	11 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Pie Chart	153
05 Những điều cần lưu ý: Những chủ điểm ngữ pháp thiết yếu cho viết luận	81	12 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Table	167
06 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 2: Dạng đề Agree or Disagree	93	13 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Bar Chart	180
07 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 2: Dạng đề Cause and Effect	103	14 Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Các dạng đề khác	188

PART 02

READING

15 Những điều cơ bản về bài thi IELTS Reading	206	18 Chiến lược làm dạng đề Short Answer và Completion	248
16 Chiến lược làm dạng đề True/False/Not Given	216	19 Chiến lược làm dạng đề Multiple Choice	263
17 Chiến lược làm dạng đề Matching	232	20 Actual Test	272

PART 03

LISTENING

21	Những điều cơ bản về bài thi IELTS Listening	295
22	Listening Section 1	304
23	Listening Section 2	317
24	Listening Section 3	329
25	Listening Section 4	340

PART 04

SPEAKING

26	Những điều cơ bản về bài thi IELTS Speaking	350
27	Speaking Part 1	367
28	Speaking Part 2	383
29	Speaking Part 3	391
30	Actual test	399

PART 01

WRITING

Day 01	Những điều cơ bản về bài luận IELTS Writing Task 2	16
Day 02	Cấu trúc bài luận IELTS Writing Task 2	39
Day 03	Những điều cần lưu ý: Các bước cần thực hiện khi viết một bài luận	54
Day 04	Những điều cần lưu ý: Những mẫu câu thông dụng	71
Day 05	Những điều cần lưu ý: Những chủ điểm ngữ pháp thiết yếu cho viết luận	81
Day 06	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 2: Dạng đề Agree or Disagree	93
Day 07	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 2: Dạng đề Cause and Effect	103
Day 08	Mẫu bài luận IELTS Writing Task 2 sử dụng khi có ít thời gian	114
Day 09	Những điều cơ bản về bài luận IELTS Writing Task 1	125
Day 10	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Line Graph	138
Day 11	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Pie Chart	153
Day 12	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Table	167
Day 13	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Bar Chart	180
Day 14	Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Các dạng đề khác	188

DAY
06

Cách viết bài luận IELTS Writing Task 2: Dạng đề Agree or Disagree

Trong Day 06, hãy cùng thực hành viết một bài luận theo dạng đề **Agree or Disagree**. Đối với dạng đề **Both Views**, bạn có thể áp dụng cấu trúc tương tự, trừ phần mở bài và các mẫu câu thiết yếu liên quan sẽ có điểm khác biệt nhỏ. Trong bài này, ta sẽ thực hành viết hai bài luận ở mức band 6.0 và 7.0.

Bài viết theo dạng đề Agree or Disagree band 6.0

Some believe that the number of cars operating in the city should be limited to a certain number as they cause many problems. To what extent do you agree or disagree?

Một số người tin rằng nên hạn chế lượng xe ô tô chạy trong thành phố ở một con số nhất định vì chúng gây ra nhiều vấn đề. Bạn tán thành hay phản đối ý kiến trên ở mức độ nào?

Sau khi đọc đề bài, hãy thực hiện 5 bước quan trọng dưới đây trước khi bắt tay vào viết bài luận hoàn chỉnh.

Bước 1: Phân tích đề

Some believe that the number of cars operating ⁽¹⁾ in the city ⁽²⁾ should be limited to a certain number. To what extent do you agree or disagree ⁽³⁾?

Các điểm chính

- **(1)** Một số người đề xuất cần hạn chế số lượng xe ô tô.
- **(2)** Địa điểm là trong thành phố.
- **(3)** Dạng đề là **Agree or Disagree**, một trong bốn dạng đề cơ bản.

Bước 2: Tư duy ý & sắp xếp ý

Như đã đề cập ở Day 3, để tư duy ý nhanh trong thời gian có hạn, người viết nên bắt đầu từ những kiến thức và trải nghiệm cá nhân, sau đó mở rộng dần phạm vi để xem xét những tác động tích cực và tiêu cực của cả ý kiến ủng hộ và phản đối đối với gia đình, xã hội, quốc gia và nhân loại nói chung.

Ngoài ra, hãy sử dụng danh sách các câu hỏi tư duy nhanh được nêu ở trang 57. Sau đó, hãy phác thảo một dàn ý cơ bản cho các ý chính mà bạn sẽ triển khai trong bài viết.

Lí do ủng hộ	Lí do phản đối
<p>traffic congestion</p> <p>ùn tắc giao thông</p>	<p>take away [deprive] the right to travel</p> <p>tước quyền được đi lại</p> <p>There are many other better ways, such as increasing parking fees and introducing better public transport system.</p> <p>có nhiều cách hay hơn như tăng phí đỗ xe và cung cấp hệ thống giao thông công cộng tốt hơn</p>

Bước 3: Viết mở bài

Sau khi tư duy và sắp xếp ý, hãy viết khoảng 2-3 câu mở bài tập trung vào từ khóa “car”. Bạn có thể dùng công thức [GS+GSS+EI+TS].

GS = General Statement

Khi viết câu dẫn nhập, hãy cho người đọc thấy được nội dung của bài luận sẽ liên quan tới ô tô.

► *There is no doubt that the number of **cars** is always increasing.*

GSS = General Support Statement

Viết câu hỗ trợ nêu các vấn đề phát sinh khi lượng xe ô tô ngày càng tăng.

► *This has caused a number of problems in the city such as pollution and traffic congestion.*

GS + GSS: Kết hợp hai câu này thành một câu ghép, sử dụng liên từ “and”.

► *There is no doubt that the number of cars is always increasing and this has caused a number of problems in the city such as pollution and traffic congestion.*

EI = Essay Issue

Diễn đạt lại đề bài, cho biết nhận định trong đề bài có cả ý kiến đồng tình và phản đối.

► *Thus, some argue that the number of cars in the city should be regulated (cut down) to a certain number. However, many, including myself, disagree with this argument.*

TS = Thesis Statement

Nêu ngắn gọn nội dung sẽ được trình bày trong phần thân bài

► *This essay will analyze both views.*

Mẫu bài luận cho dạng đề Agree or Disagree, Both Views

Mở bài

Mở bài 1

These days, [Essay Topic Key Word(s)] seems to be a matter of great public interest and this is in part a reflection of the rapid changes in our society. However, [Essay Topic Key Word(s)] has been the source of much heated debate within society; some say that [Exam question content] while others take the opposite view. Even though it may appear that opposing opinions can be maintained at the same time, they still have to be scrutinised.

Ngày nay, [từ khóa chủ đề] dường như là vấn đề được công chúng vô cùng quan tâm, và điều này cũng phần nào phản ánh những thay đổi nhanh chóng trong xã hội của chúng ta. Tuy nhiên, [từ khóa chủ đề] đã và đang trở thành nguồn cơn của những tranh luận gay gắt trong xã hội; có người nói rằng [nội dung câu hỏi trong đề bài] trong khi những người khác lại có quan điểm đối lập. Mặc dù rõ ràng là các ý kiến trái chiều có thể cùng tồn tại, nhưng chúng vẫn cần được xem xét kỹ lưỡng.

Mở bài 2

These days, there is widespread concern within the public domain over the issue of whether [Exam question content]. This essay will show that the minor drawback of [Essay Topic Key Word(s) or gerund] is of only small significance when compared to the greater merits of [Essay Topic Key Word(s) or gerund].

Ngày nay, công chúng ngày càng quan tâm tới vấn đề liệu [nội dung câu hỏi trong đề bài]. Bài luận này sẽ chỉ ra rằng hạn chế không đáng kể của [từ khóa chủ đề hoặc V-ing] chỉ là rất nhỏ khi so với những ưu điểm lớn hơn của [từ khóa chủ đề hoặc V-ing].

GIỚI THIỆU

WRITING
01

READING
02

LISTENING
03

SPEAKING
03

ALL THAT IELTS

DAY
10

Cách viết bài luận IELTS Writing Task 1: Dạng đề Line Graph

Line Graph (biểu đồ đường) thể hiện sự thay đổi của dữ liệu trong một khoảng thời gian cụ thể với trục hoành biểu thị thời gian và trục tung biểu thị đơn vị.

Giới thiệu chung

1 Các dạng Line Graph

<p>Dạng Single Line (một đường)</p>	<p>Biểu đồ chỉ có một đường duy nhất đại diện cho một tập hợp dữ liệu theo thời gian.</p>	<p>Import of electronic devices in Korea Nhập khẩu thiết bị điện tử ở Hàn Quốc</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Import (US \$million)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>2010</td><td>300</td></tr> <tr><td>2012</td><td>350</td></tr> <tr><td>2014</td><td>400</td></tr> <tr><td>2016</td><td>800</td></tr> <tr><td>2018</td><td>700</td></tr> </tbody> </table>	Year	Import (US \$million)	2010	300	2012	350	2014	400	2016	800	2018	700												
Year	Import (US \$million)																									
2010	300																									
2012	350																									
2014	400																									
2016	800																									
2018	700																									
<p>Dạng Plural Lines (nhiều hơn 2 đường)</p>	<p>Biểu đồ có nhiều đường khác nhau, mỗi đường đại diện cho một tập hợp dữ liệu riêng biệt. Các đường thường khác nhau về màu sắc hoặc kiểu nét để phân biệt.</p>	<p>Import of electronic devices in three countries Nhập khẩu thiết bị điện tử ở ba quốc gia</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Year</th> <th>Korea (Hàn Quốc)</th> <th>Italy (Ý)</th> <th>Australia (Úc)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>2010</td><td>300</td><td>600</td><td>350</td></tr> <tr><td>2012</td><td>350</td><td>500</td><td>350</td></tr> <tr><td>2014</td><td>400</td><td>400</td><td>350</td></tr> <tr><td>2016</td><td>800</td><td>150</td><td>350</td></tr> <tr><td>2018</td><td>700</td><td>500</td><td>350</td></tr> </tbody> </table>	Year	Korea (Hàn Quốc)	Italy (Ý)	Australia (Úc)	2010	300	600	350	2012	350	500	350	2014	400	400	350	2016	800	150	350	2018	700	500	350
Year	Korea (Hàn Quốc)	Italy (Ý)	Australia (Úc)																							
2010	300	600	350																							
2012	350	500	350																							
2014	400	400	350																							
2016	800	150	350																							
2018	700	500	350																							

2 Các cách diễn đạt cần thiết cho dạng đề Line Graph

Các từ/cụm từ và cách diễn đạt thể hiện sự biến động

<p>a. Các động từ/cụm động từ diễn tả xu hướng tăng</p> 	<p>increase: tăng, tăng lên rise: tăng lên soar: tăng mạnh, tăng vọt grow: tăng, phát triển go up: đi lên, tăng lên shoot up: tăng nhanh, tăng vọt</p>
<p>b. Các động từ/cụm động từ diễn tả xu hướng giảm</p> 	<p>decrease: giảm, suy giảm fall: giảm, hạ drop: hạ, sụt giảm decline: suy giảm, sụt giảm go down: đi xuống plummet: lao xuống, tụt giảm</p>
<p>c. Cách diễn đạt thể hiện sự ổn định, không thay đổi</p> 	<p>remain constant: vẫn không đổi remain stable: duy trì ổn định stay constant: không thay đổi remain the same: vẫn như cũ</p>
<p>d. Cách diễn đạt thể hiện sự dao động</p> 	<p>fluctuate (v): dao động fluctuation (n): sự dao động an increase with fluctuations: sự tăng trưởng đi kèm với biến động X fluctuated between A and B: X dao động giữa A và B There was a fluctuation in X: Có sự dao động ở X an upward trend: xu hướng đi lên</p>

GIỚI THIỆU

WRITING
01

READING
02

LISTENING
03

SPEAKING
03

ALL THAT IELTS

PART 02

READING

Day 15	Những điều cơ bản về bài thi IELTS Reading	206
Day 16	Chiến lược làm dạng đề True/False/Not Given	216
Day 17	Chiến lược làm dạng đề Matching	232
Day 18	Chiến lược làm dạng đề Short Answer & Completion	248
Day 19	Chiến lược làm dạng đề Multiple Choice	263
Day 20	Actual Test	272

DAY 16

Chiến lược làm dạng đề True/False/Not Given

True/False/Not Given có thể coi là dạng đề xuất hiện nhiều nhất trong bài thi IELTS Reading. Đây là dạng bài yêu cầu xác định tính thống nhất giữa câu được cho với thông tin có trong bài đọc.

Chiến lược làm bài dạng True/False/Not Given

Với dạng đề **True/False/Not Given**, bạn sẽ không thể đưa ra câu trả lời đúng nếu chỉ dựa vào những từ khóa trong câu hỏi mà phải diễn giải chính xác câu hỏi, đồng thời hiểu đúng nội dung bài đọc để xác định xem câu được cho có thống nhất/trái ngược với nội dung bài đọc không.

Khi làm dạng bài này, hãy đọc thật kĩ câu được cho và bài đọc trước khi trả lời. Nếu không, bạn sẽ rất dễ bị nhầm lẫn và đưa ra đáp án không chính xác. Dưới đây là một số chiến lược giúp bạn làm tốt dạng đề **True/False/Not Given**.

- 1 Chỉ trả lời "True" hoặc "Yes" khi thông tin của câu trong câu hỏi trùng khớp hoàn toàn với thông tin trong bài đọc.

Example

Câu trong bài đọc:	Today, China is the largest chicken market in the world.
Câu hỏi:	China consumes more chicken than Korea.

↪ Nội dung của câu trong câu hỏi là "Trung Quốc tiêu thụ nhiều gà hơn Hàn Quốc" và câu trong bài đọc nói rằng "Hiện nay, Trung Quốc là thị trường gà lớn nhất thế giới", vậy đáp án là **True**.

⌚ **Lưu ý:** Kể cả khi "Korea" không xuất hiện trong bài đọc, bạn đừng vội cho rằng câu trả lời là "Not Given".

DAY 18

Chiến lược làm dạng đề Short Answer và Completion

Dạng **Short Answer** sẽ khống chế số từ của câu trả lời (thường không quá 3 từ); Dạng **Completion** có 3 loại câu hỏi chính: *Sentence Completion* (hoàn thành câu), *Summary Completion* (hoàn thành tóm tắt) và *Table/Diagram/Flowchart Completion* (hoàn thành bảng/sơ đồ/lưu đồ).

Dạng Short Answer

Với dạng **Short Answer**, thí sinh phải đưa đáp án tương ứng với số từ theo yêu cầu của đề bài.

Về cơ bản, dạng bài này không quá khó nếu bạn xác định được vị trí của từ khóa trong bài đọc, tức là nó không đòi hỏi phải suy nghĩ hay phán đoán nhiều. Tuy nhiên, nếu trật tự câu hỏi không giống với trật tự thông tin trong bài đọc, việc tìm đáp án có thể sẽ khó khăn.

Example

Complete each sentence.

Choose **NO MORE THAN THREE WORDS** from the text for each answer.

Write your answers in boxes 1 – 3 on your answer sheet.

- 1 African slaves began to be transported by the Dutch West Indies Company to provide _____ necessary to build the Fort and city wall in New York.
- 2 British forces were no longer seen in New York after the year of _____.
- 3 During the 19th century, New York was expanded to cover the entire area of Manhattan due to the immigration prompted by famine in Ireland and _____ in Europe.

1 Chiến lược làm bài

1. Đọc câu hỏi và gạch chân từ khóa.
2. Đọc lướt bài đọc để nắm được khái quát nội dung chính, khoanh tròn các từ khóa của từng câu hỏi xuất hiện trong bài đọc. Trong quá trình này, hãy gạch chân ý chính của mỗi đoạn, và dựa vào đó để tìm nội dung trả lời phù hợp với câu hỏi.

PART 03

LISTENING

Day 21	Những điều cơ bản về bài thi IELTS Listening	295
Day 22	Listening Section 1	304
Day 23	Listening Section 2	317
Day 24	Listening Section 3	329
Day 25	Listening Section 4	340

DAY 22

Listening Section 1

Section 1 có thể chia thành 1 hoặc 2 phần, gồm 10 câu hỏi, được đánh số từ 1 – 10, bao gồm các đoạn hội thoại giữa 2 người về nhiều nội dung đa dạng như hỏi-đáp, trao đổi thông tin liên quan đến cuộc sống thường nhật.

Chiến lược làm bài

Section 1 được thiết kế để đánh giá khả năng nghe hiểu câu trả lời cụ thể của thí sinh. Tuy thường được coi là Section dễ nhất trong bài thi IELTS Listening, nhưng đôi khi **Section 1** vẫn có các cuộc hội thoại được nói với tốc độ rất nhanh.

- 1 Trước khi chính thức bắt đầu vào nội dung bài nghe của Section 1, bạn sẽ có khoảng 1 phút để nghe phần ví dụ và xem trước câu hỏi. Đây là thời điểm tối quan trọng giúp bạn hoàn thành tốt nhất phần này. Dù có tự tin vào kỹ năng nghe của mình đến đâu, bạn vẫn cần đọc nhanh các câu hỏi trong đề thi, gạch chân từ khóa và hiểu được ngữ cảnh tổng quát.
- 2 Khi gặp dạng bài **Note/Form/Table Completion**, bạn nên viết trước một phần đáp án dự đoán ra phiếu đề. Ví dụ: Nếu đề bài yêu cầu điền số tiền, bạn có thể viết trước ký hiệu "\$". Nếu câu hỏi liên quan đến tên người, bạn có thể viết trước chữ "M" (tức là "Mr" hoặc "Miss") vào ô trả lời.
- 3 Hãy chú ý tới các số và các từ có cách phát âm gần giống nhau. Nếu loa của phòng thi bị rè, hoặc vì lí do nào đó mà bạn chưa nghe rõ cách nói và trọng âm của (cụm) từ, hãy thử dựa vào văn cảnh xung quanh để đoán đáp án.
 - Một số từ kết thúc bằng hậu tố **-or** dễ gây nhầm lẫn: **radiator, director, actor, sailor, doctor**
 - Một số từ có hai chữ cái liền kề giống nhau dễ gây nhầm lẫn: **rabbit, shopping, pudding, accommodation, swimming**
 - Một số từ có phát âm dễ gây nhầm lẫn: **effect vs. affect**
- 4 Nếu bài nghe có phần đánh vần danh từ riêng chỉ tên người hay tên địa điểm, thường đây sẽ là những cái tên không mấy quen thuộc và chỉ được đọc một lần duy nhất, do đó bạn cần chú ý nghe thật cẩn thận. Hãy nhớ viết hoa chữ cái đầu tiên trong tên.

Thực hành

PRACTICE 1 Questions 1 – 10

L_01

Complete the form below.

Write **NO MORE THAN THREE WORDS AND/OR A NUMBER** for each answer.

Rental Properties

Type of a house preferred: a villa, townhouse or just a house

Location preferred: 1 _____ of Sydney

Affordable price range: 2 _____ per week

Special features: wish to be nearby a train station. Also require 3 _____ and prefer a garden.

1st property option: a three bedroom townhouse

Features: a decent size backyard and a garage.

Location: on 4 _____ at Lewisham

Rental price: 5 _____ per week

2nd property option: a small villa

Features: similar to those of the house at Lewisham.

Rental price: \$800 per week

Location: 6 _____ at Stanmore.

Inspection Open Date

- The townhouse in Lewisham

Date and Time: this Saturday from 7 _____ to 11 am

- The villa in Stanmore

Date and time: this Saturday from 1 pm to 2 pm

GIỚI THIỆU

01
WRITING

02
READING

03
LISTENING

04
SPEAKING

ALL THAT IELTS

Visit to Agency

- **Visiting Date and Time:** 10 am, Thursday morning
- **Contact agent:** 8 _____
- **Office location:** corner of Sussex and Montana Streets in Newtown.
- **Required documents:** 9 _____ each from the bank and the employer
- **Advised transport means to the agency:** 10 _____

Answers

- | | | |
|---------------------|-----------------------|-----------------------------|
| 1. (the) Inner West | 2. under \$800 | 3. (a) garage / (a) carport |
| 4. Counter Road | 5. \$810 | 6. Little Crescent |
| 8. John Daniels | 9. a reference letter | 10. (the) train |

Questions 1 – 10

• chữ in màu: nội dung chứa đáp án

Woman: Good afternoon, this is Prime Properties. How can I help you?

Xin chào, công ti Prime Properties xin nghe. Tôi có thể giúp gì cho quý khách?

Man: Oh hello there. My name is Andrew Edwards and I'm calling to enquire about rental properties.

Ồ, xin chào. Tôi là Andrew Edwards. Tôi gọi tới để hỏi về dịch vụ bất động sản cho thuê.

Woman: Sure, Mr Edwards. Are you looking to put your property up for lease or are you on the hunt for a rental property?

Vâng, anh Edwards. Anh đang muốn cho thuê nhà hay tìm nhà thuê?

Man: I'm after a three bedroom property, which is ¹preferably in the Inner West of Sydney.

Tôi đang tìm một ngôi nhà có ba phòng ngủ, nếu ở Inner West của Sydney thì tốt.

Woman: No problem at all. We've had a few villas and townhouses hit the market recently. Are those kind of properties suitable for you?

Được ạ. Chúng tôi có một số biệt thự và nhà liền kề mới ra mắt thị trường gần đây. Có kiểu nhà nào ở đây phù hợp với yêu cầu của anh không?

PART 04

SPEAKING

Day 26	Những điều cơ bản về bài thi IELTS Speaking	350
Day 27	Speaking Part 1	367
Day 28	Speaking Part 2	383
Day 29	Speaking Part 3	391
Day 30	Actual Test	399

— ALL THAT IELTS —

DAY 28

Speaking Part 2

Khác với **Part 1** và **Part 3**, **Part 2** yêu cầu thí sinh phải trình bày liên tục trong 1-2 phút về một chủ đề nào đó. Bạn sẽ có 1 phút để sắp xếp các ý cho câu trả lời trước khi trình bày.

Cấu trúc đề thi Part 2

Thí sinh sẽ được nhận 1 phiếu đề (Task Card) gồm 1 câu hỏi chính và 3-4 câu hỏi phụ để gợi ý về chủ đề cần nói. Thông thường, câu hỏi cuối cùng sẽ yêu cầu thí sinh đưa ra lí do (Why) để giải thích chi tiết hơn cho câu trả lời đã đưa ra trước đó.

Example

Describe an older person whom you respect.

Hãy miêu tả một người lớn tuổi mà bạn quý trọng.

You should say:

Who the person is Người đó là ai

What your relationship with this person is Mối quan hệ giữa bạn và người đó là gì

AND explain why you respect the person Và giải thích lí do bạn quý trọng người đó

Sau khi trả lời xong các câu hỏi trong phiếu đề, giám khảo có thể hỏi thêm để kiểm tra xem liệu thí sinh có thực sự hiểu bài nói đó không hay chỉ đơn thuần là học thuộc lòng câu trả lời mẫu.

Các chủ đề thường gặp

1 Nhóm chủ đề về trải nghiệm (Describe an experience)

Thí sinh sẽ được yêu cầu mô tả về một trải nghiệm (đáng nhớ, ngại ngùng, du lịch, ăn tối,...) của mình. Đối với nhóm chủ đề này, thí sinh thường gặp những câu hỏi như sau:

- Trải nghiệm đó là gì?
- Trải nghiệm đó xảy ra khi nào?
- Bạn cảm thấy thế nào về trải nghiệm đó?

2 Nhóm chủ đề về người (Describe a person)

Thí sinh sẽ được yêu cầu miêu tả một người nào đó (đáng ngưỡng mộ, bạn thân, giáo viên, người thân, người nổi tiếng,...). Đối với nhóm chủ đề này, thí sinh thường gặp những câu hỏi như sau:

- Người đó là ai?
- Bạn biết gì về người này? / Đó là người như thế nào?
- Tại sao người đó lại... (tuỳ theo chủ đề)?

3 Nhóm chủ đề về địa điểm (Describe a place)

Thí sinh sẽ được yêu cầu mô tả một địa điểm (đáng nhớ, đã từng tham quan, muốn tới trong tương lai, một địa điểm cụ thể,...). Đối với nhóm chủ đề này, thí sinh thường gặp những câu hỏi như sau:

- Địa điểm đó là gì?
- Địa điểm đó ở đâu?
- Bạn cảm nhận thế nào về địa điểm đó?

4 Nhóm chủ đề về công việc/học tập

Thí sinh thường được yêu cầu mô tả về những khía cạnh liên quan tới công việc/học tập (công việc mong muốn, môi trường làm việc lí tưởng, môn học yêu thích,...). Đối với nhóm chủ đề này, thí sinh thường gặp những câu hỏi như sau:

- Khía cạnh công việc/học tập đó là gì?
- Tại sao bạn thích/không thích khía cạnh đó?

Author's Notes

Bạn không nên tùy tiện bỏ qua các câu hỏi trong phiếu đề vì điều này có thể khiến bạn bị trừ điểm. Hãy đơn giản coi như bạn sẽ trả lời 3-4 câu hỏi cùng lúc trong khoảng thời gian cho phép.